

Số: 25/2018/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Thông tư số 10/2015/TT-NHNN)

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho vay; việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, cho vay mới; hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ; ân hạn nợ; tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với tài sản bảo đảm của khoản cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 55/2015/NĐ-CP) và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).”.

2. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Khách hàng vay vốn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).”.

3. Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Khách hàng quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 14 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP khó khăn trong việc trả nợ vay do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được tổ chức tín dụng xem xét:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đánh giá của tổ chức tín dụng về khả năng trả nợ của khách hàng; thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ phù hợp với chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng tổng thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ tối đa không vượt quá thời hạn cho vay vốn ban đầu theo hợp đồng tín dụng đã ký;

b) Sau thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, khách hàng không trả được nợ vay đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ thì tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ đối với khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Cho vay mới để phục hồi sản xuất kinh doanh đối với khách hàng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh khả thi.”.

4. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Ân hạn nợ

Đối với khách hàng vay để trồng, chăm sóc, tái canh cây lâu năm, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời gian ân hạn nợ gốc và lãi phù hợp với giai đoạn kiến thiết của cây trồng lâu năm. Thời gian ân hạn là khoảng thời

gian tính từ khi tổ chức tín dụng bắt đầu giải ngân vốn vay đến khi khách hàng bắt đầu trả nợ gốc và lãi được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.”.

5. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP).”.

6. Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và bổ sung khoản 6 vào Điều 7 như sau:

“2. Ban hành hướng dẫn để triển khai thống nhất trong hệ thống tổ chức tín dụng về:

- Cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);

- Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khoan nợ phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP). Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoan nợ.

3. Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thông tin, tuyên truyền về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Thông tư này.

4. Xác định và ghi rõ mục đích cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn tại hợp đồng tín dụng, theo dõi riêng hồ sơ cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

5. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo quy định về chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; định kỳ hàng quý (trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý tiếp theo) báo cáo tình hình cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo mẫu biểu đính kèm Thông tư này.

6. Thực hiện kiểm tra, giám sát trong hệ thống về cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ để đảm bảo phản ánh đúng tình trạng của các khoản nợ.”.

7. Điểm a khoản 1 Điều 8 và điểm b khoản 4 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong việc phối hợp với Bộ Tài chính xem xét xử lý đề nghị khoan nợ do nguyên nhân khách

quan, bất khả kháng và thiên tai, dịch bệnh trên phạm vi rộng theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);”.

“b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra, xác nhận, rà soát, tổng hợp hồ sơ, số liệu, đối tượng khách hàng đề nghị khoan nợ của tổ chức tín dụng để tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP (đã được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP);”.

Điều 2. Bãi bỏ điểm d khoản 4 Điều 8 và Mẫu biểu 01, 02, 03, 04, 05, 06 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2015/TT-NHNN.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện các nội dung trong hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng đó hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2018. *lm*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư (để phối hợp thực hiện);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, Vụ TDCNKT(5). *lm*

K. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Nguyễn Đông Tiến

ĐC VI
CHI
ĐII

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ CẤU LẠI THỜI HẠN TRẢ NỢ VÀ GIỮ NGUYÊN NHÓM NỢ
ĐỐI VỚI LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10 /2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Quý năm

(Đơn vị tính: Triệu đồng, khách hàng)

STT	Khách hàng	Nợ ngắn hạn			Nợ trung, dài hạn			Tổng cộng		
		Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ	Dư nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ	Số khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh									
2	Chủ trang trại									
3	Doanh nghiệp									
4	Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã									
5	Khác									
Tổng cộng										

Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cột (3) + (6) = Cột (9); Cột (4) + (7) = Cột (10); Cột (5) + (8) = Cột (11);
- Dòng **Tổng cộng** = Dòng 1 + 2 + 3 + 4 + 5.